

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **51/2022/DS-PT**

Ngày: 11-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chung

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh

Bà Đinh Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐ-PT ngày 09/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐ-PT ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Trúc S, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Lô B, Khu quy hoạch A, đường S, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường P, phường M, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 01/9/2020), có mặt;

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T;

Địa chỉ trụ sở: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2020), có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Cao Thị Ngọc C và bà Phan Thị Hồng L;

Cùng địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Trúc S là ông Sin Thoại K trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 23/6/2020, ông Đào Trúc S và Công ty Cổ phần T có ký hợp đồng vay tiền với nội dung ông S cho Công ty Cổ phần T vay số tiền 25.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/9/2020, thời hạn thanh toán tiền lãi vào ngày 23 hàng tháng. Sau khi hợp đồng được ký kết, ông S đã giao đủ 25.500.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần T. Tuy nhiên, khi đến hạn trả lãi như cam kết trong hợp đồng thì Công ty Cổ phần T không thực hiện đúng cam kết của mình, kể từ ngày vay đến nay Công ty Cổ phần T chưa trả cho ông S được khoản tiền gốc, lãi nào.

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần T trả cho ông Đào Trúc S số tiền vay gốc là 25.500.000.000 đồng và lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày vay đến khi trả xong nợ.

Ông S không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, bởi lẽ những giao dịch mà bị đơn nêu trong đơn phản tố là một giao dịch khác và giao dịch này đã được các bên tất toán công nợ trước ngày 23/6/2020. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần T là bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung như sau:*

*Thứ nhất,* Hợp đồng vay tiền giữa ông S và Công ty Cổ phần T ký ngày 23/6/2020 là hợp đồng giả tạo để hợp thức hóa số tiền mà Công ty đã vay ông S từ tháng 4/2017, với mức lãi suất từ 1.500 đồng đến 3.000đồng/ngày/triệu, tùy theo từng đợt chuyển tiền vay thể hiện.

Đây là khoản tiền vay rất lớn, ông S là cá nhân và tại thời điểm giao dịch, ông S đang là Phó Tổng giám đốc Công ty. Tính đến ngày 21/4/2017, ông S đã chuyển tiền cho Công ty vay tổng cộng là 26.000.000.000 đồng, mức lãi suất trên 36%/năm.

- Từ ngày 21/4/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty phải trả lãi là 2.136.000.000 đồng, trên số tiền vay. Công ty đã thanh toán số tiền gốc là

1.500.000.000 đồng. Tiền lãi chưa thanh toán là 2.136.000.000 đồng, cộng nhập vào số tiền gốc để tính lãi với tổng số tiền là 26.636.000.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, Công ty tiếp tục vay thêm số tiền 2.200.000.000 đồng, tổng số tiền Công ty vay gốc là 28.200.000.000 đồng. Năm 2018, Công ty trả lãi là 10.181.869.092 đồng, tiền gốc trả là 9.200.000.000 đồng, tiền lãi thanh toán là 568.000.000 đồng. Số tiền gốc chưa thanh toán là 24.812.234.475 đồng và lãi chưa thanh toán là 4.437.634.617 đồng.

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty nợ tiền gốc là 24.812.234.475 đồng và lãi 4.437.634.617 đồng. Năm 2019, Công ty đã trả gốc là 6.829.945.688 đồng và lãi 6.100.054.312 đồng. Còn nợ số tiền gốc là 17.982.288.787 đồng và lãi là 5.778.751.993 đồng.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/5/2020, Công ty nợ tiền gốc là 17.982.288.787 đồng và lãi chưa thanh toán là 7.257.940.246 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 22/4/2020, Công ty đã thanh toán tổng số tiền 24.198.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 17.529.945.688 đồng và lãi là 6.668.054.312 đồng, trên tổng số tiền gốc vay là 28.200.000.000 đồng.

*Thứ hai*, theo Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất từ 1.500 đồng đến 3.500 đồng/ngày/tổng số tiền vay, là 36%/năm, mà hai bên đã áp dụng trong gói vay trên là vi phạm quy định của pháp luật về lãi suất tiền vay.

Mức lãi suất Công ty phải trả là 26.000.000.000 đồng x 1%/tháng x 07 tháng 10 ngày = 702.246.825 đồng. Số lãi vượt quá mà Công ty phải thanh toán là 2.136.000.000 đồng - 702.246.825 = 1.433.753.175 đồng.

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, Công ty vay thêm số tiền 2.200.000.000 đồng, tổng số tiền Công ty trả gốc là 28.836.000.000 đồng, Công ty đã thanh toán số tiền gốc là 9.200.000.000 đồng, lãi là 568.000.000 đồng. Tính lại lãi suất 27.402.246.825 đồng x 1%/tháng x 12 tháng = 2.756.609.583 đồng. Lãi vượt quá công ty phải thanh toán là 10.181.869.092 đồng - 2.756.609.583 = 7.425.259.509 đồng.

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty nợ tiền gốc là 24.812.234.475 đồng và lãi 4.437.634.617 đồng. Trong năm 2019, Công ty đã trả gốc là 6.829.945.688 đồng và lãi 6.100.054.312 đồng. Còn nợ số tiền gốc là 17.982.288.787 đồng và lãi chưa thanh toán là 5.778.751.993 đồng. Tính lại mức lãi suất Công ty phải trả là 19.671.883.442 đồng x 1%/tháng x 12 tháng = 1.829.564.512 đồng. Số lãi vượt Công ty phải thanh toán là 7.441.171.688 đồng - 1.829.564.512 đồng = 5.611.607.176 đồng.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/5/2020, Công ty nợ gốc là 17.982.288.787 đồng và lãi là 7.257.940.246 đồng. Tính lại lãi là 12.841.887.754 đồng x 1%/tháng x 4 tháng 8 ngày = 534.148.695 đồng. Số lãi vượt thanh toán là 1.479.188.253 đồng - 534.148.695 đồng = 936.039.558 đồng.

Tính đến ngày 22/4/2020, Công ty đã thanh toán ông S tổng số tiền 24.198.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 17.529.945.688 đồng, tiền lãi là 6.668.054.312 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty đã vay 28.200.000.000 đồng, thì lãi suất Công ty phải trả là 5.831.569.615 đồng. Tính đến ngày 08/5/2020, Công ty đã trả tổng số tiền 24.198.000.000 đồng, trong tiền gốc là 17.529.945.688 đồng và lãi là 6.668.054.312 đồng. Như vậy, số tiền thực tế hiện tại Công ty còn nợ là:  $(28.200.000.000 \text{ đồng} + 5.831.569.615 \text{ đồng}) - 24.198.000.000 \text{ đồng} = 6.002.000.000 \text{ đồng}$ .

Căn cứ biên bản làm việc ngày 09/5/2020 giữa đại diện Công ty và ông S thể hiện tính đến ngày 09/5/2020 là 23.887.634.995 đồng, trong đó nợ gốc là 17.029.945.688 đồng và nợ lãi là 6.857.689.307 đồng, đại diện Công ty đã đưa ra đề nghị về mức tính lãi suất mới tính từ ngày 09/5/2020 là 1%/tháng, tuy nhiên ông S không đồng ý. Tại thời điểm này do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 mọi hoạt động của Công ty gần như ngưng hoạt động 100%, nguồn thu cũng vì thế nên bị ảnh hưởng, chính vì vậy Công ty chưa thanh toán được cho ông S khoản nợ trên. Như vậy, không thể có việc ngày 23/6/2020 Công ty thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho ông S, để tiếp tục vay lại theo hợp đồng vay các bên ký ngày 23/6/2020.

Tính đến nay, Công ty chỉ còn nợ ông S tổng số tiền gốc và lãi là 9.934.000.000 đồng.

Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo; Yêu cầu tính lại mức lãi suất tiền vay từ ngày 21/4/2017 đến nay theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền bị đơn Công ty Cổ phần T đã trả cho nguyên đơn ông Đào Trúc S là 24.198.000.000 đồng.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Cao Thị Ngọc C trình bày có nội dung như sau:*

Bà C là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần T từ tháng 7/2019 cho đến nay, sau khi về Công ty công tác, bà không được bàn giao sổ sách trước đó. Không có việc Công ty và ông S ký hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020, mà các bên chỉ hợp thức hóa khoản tiền Công ty vay ông S trước đó, cộng với lãi mà thành, mục đích là nhằm chốt khoản nợ lại để tính lại lãi suất 1%/tháng. Việc lập Hợp đồng vay tiền, phiếu thu khoản tiền vay 25.500.000.000 đồng chỉ nhằm hợp thức hóa khoản vay trước đó, trong số tiền này thì tiền gốc là hơn 17.000.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi, khi ký kết hợp đồng này các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc gì, bà là kế toán trưởng, bà L là thủ quỹ, hiện bà L đã nghỉ việc tại Công ty. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 122, Điều 124, Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Trúc S.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đào Trúc S tiền vay gốc là 25.500.000.000 đồng, tiền lãi là 4.505.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay gốc, lãi là 30.005.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần T về việc: Tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T, là vô hiệu do giả tạo. Yêu cầu tính lại mức lãi suất tiền vay từ ngày 21/4/2017 đến nay theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền bị đơn Công ty Cổ phần T đã trả cho nguyên đơn ông Đào Trúc S là 24.198.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu 138.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn ông Đào Trúc S.

Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần phản tố yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị Phan Thị Hồng L nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013498 ngày 07/12/2020.

Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu 132.198.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần phản tố tính lại lãi suất không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 71.016.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị Phan Thị Hồng L nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013499 ngày 07/12/2020. Bị đơn Công ty Cổ phần T còn tiếp tục phải nộp 61.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Đào Trúc S số tiền 67.005.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Sin Thoại K nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012887 ngày 17/9/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2021, bị đơn Công ty cổ phần T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty cổ phần T vô hiệu do giải tạo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề thừa nhận: Ngày 23/6/2020, ông S và Công ty Cổ phần T có ký hợp đồng vay tiền, trong đó ông S cho Công ty Cổ phần T vay số tiền 25.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/9/2020, thời hạn thanh toán tiền lãi vào ngày 23 hàng tháng. Nội dung hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Phiếu thu ngày 24/6/2020 có chữ ký của hai bên, thủ quỹ, kế toán trưởng, phù hợp với nội dung Công văn mà Công ty gửi cho ông S ngày 28/8/2020. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ, đúng pháp luật. Công ty kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu này nên không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn và buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm do vi phạm trong việc thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố và sửa một phần bản án về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308; Điều 309; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần T, hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T:

Tại Hợp đồng vay tiền ký ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S và Công ty Cổ phần T có nội dung ông Đào Trúc S cho Công ty Cổ phần T vay số tiền 25.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi trả vào ngày 23 hàng tháng. Hợp đồng này thể hiện các nội dung cụ thể về việc vay tiền, số lượng, thời hạn vay, thỏa thuận lãi suất, các bên đã ký, có đóng dấu của Công ty Cổ phần T. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa công ty và ông S được ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại Phiếu thu ngày 24/6/2020 do Công ty Cổ phần T lập, thể hiện nội dung ông Đào Trúc S cho Công ty Cổ phần T vay số tiền 25.500.000.000 đồng, có chữ ký của người nộp tiền (ông S), thủ quỹ, kế toán trưởng và Công ty Cổ phần T. Điều này cũng phù hợp với nội dung Công văn số 321/CV-NTH ngày 28/8/2020 của Công ty Cổ phần T về việc hỗ trợ giãn thời gian thanh toán tiền lãi vay, gửi cho ông Đào Trúc S, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Việc bị đơn và người làm chứng bà Cao Thị Ngọc C là kế toán trưởng của Công ty Cổ phần T cho rằng Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 là hợp đồng giả tạo, để hợp thức hóa số tiền mà Công ty đã vay từ tháng 4/2017, với mức lãi suất từ 1.500 đồng đến 3.000đồng/ngày/triệu, tùy theo từng đợt chuyển tiền vay. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn cũng không thừa nhận khoản vay ngày 26/3/2020 là để hợp thức hóa số tiền đã vay từ tháng 4/2017, mà cho rằng đây là khoản vay mới, còn các khoản vay trước đó hai bên đã tất toán xong. Do đó, ý kiến Công ty Cổ phần T kháng cáo cho rằng hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020, là hợp đồng giả tạo là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 23/6/2020, Công ty Cổ phần T có vay của ông Đào Trúc S số tiền 25.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1%/tháng. Công ty chưa trả được nợ gốc và lãi suất cho ông S. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Trúc S, buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho Đào Trúc S số tiền vay gốc là 25.500.000.000 đồng, tiền lãi là 4.505.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay gốc, lãi là 30.005.000.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng cáo của Công ty Cổ phần T là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần T về việc đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo; Yêu cầu tính lại mức lãi suất tiền vay từ ngày 21/4/2017 đến nay theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền bị đơn Công ty Cổ phần T đã trả cho nguyên đơn ông Đào Trúc S là 24.198.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là yêu cầu

phản tố của bị đơn và thụ lý, bác yêu cầu phản tố, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 175/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn ông Đào Trúc S; không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo và tính lại mức lãi suất tiền vay từ ngày 21/4/2017 đến nay.

Ông Đào Trúc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 200; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 122, Điều 124, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Trúc S.

Buộc Công ty Cổ phần T có trách nhiệm trả cho ông Đào Trúc S tiền vay gốc là 25.500.000.000 đồng, tiền lãi là 4.505.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay gốc, lãi là 30.005.000.000 đồng (*ba mươi tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bị đơn Công ty Cổ phần T về việc: Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo; Yêu cầu tính lại mức lãi suất tiền vay



từ ngày 21/4/2017 đến nay theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền bị đơn Công ty Cổ phần T đã trả cho nguyên đơn ông Đào Trúc S là 24.198.000.000 đồng.

### 3. Về án phí:

#### 3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2020 giữa ông Đào Trúc S với Công ty Cổ phần T là vô hiệu do giả tạo và yêu cầu tính lại mức lãi suất tiền vay.

Công ty Cổ phần T phải chịu 138.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, 71.016.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0013498 ngày 07/12/2020, số AA/2019/0013499 ngày 07/12/2020 và số AA/2021/0012138 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trả lại cho nguyên đơn ông Đào Trúc S số tiền 67.005.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0012887 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (do ông Sin Thoại K nộp thay).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Chung**